



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG  
NGHỆ TIẾN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG  
NGHỆ TIỀN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**



## MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u>   | <u>Trang</u> |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                             | 2 – 4        |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                                 | 5 – 6        |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán                       | 7 – 33       |
| <i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i> | 7 – 10       |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021</i>      | 11           |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021</i>                | 12 – 13      |
| <i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021</i>         | 14 – 33      |

TRÁI  
K  
NH  
3/2021

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000332857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 10 tháng 04 năm 2003. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 10 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 03 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp

***Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10: 75.704.440.000 VND***

### **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.  
Điện thoại : 02273.683.162-0901.55.75.85  
Fax : (036) 33 683162  
Website : <http://ttzholdings.com.vn/company-history>  
Mã số thuế : 1 0 0 0 3 3 2 8 5 7

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 33).

### **Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính**

Nghị quyết số 01/2021/TTZ-ĐHĐCD ký ngày 21 tháng 8 năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều Công ty từ 75.704.440.000 VND lên 115.704.440.000 VND (tương ứng với số cổ phần tăng thêm là 4.000.000 cổ phần). Thời gian chào bán dự kiến thực hiện trong năm 2021, sau khi được UBCKNN chấp thuận. Đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa thực hiện xong việc chào bán này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên           | Chức vụ         |
|---------------------|-----------------|
| Bà Trần Thị Hiền    | Chủ tịch        |
| Bà Nguyễn Thùy Linh | Thành viên HĐQT |
| Ông Hoàng Anh Quyết | Thành viên HĐQT |

Miễn nhiệm ngày 21/08/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

| <u>Họ và tên</u>   | <u>Chức vụ</u>  |                            |
|--------------------|-----------------|----------------------------|
| Ông Yang Xiao Dong | Thành viên HĐQT |                            |
| Ông Chen Yu        | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 21/08/2021 |
| Ông Lê Minh Diện   | Thành viên HĐQT |                            |
| Hoàng Trung Hiếu   | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 21/08/2021   |

***Ban kiểm soát***

| <u>Họ và tên</u>       | <u>Chức vụ</u> |                            |
|------------------------|----------------|----------------------------|
| Ông Lại Trọng Đan      | Trưởng Ban     | Miễn nhiệm ngày 21/08/2021 |
| An Hải Linh            | Trưởng Ban     | Bổ nhiệm ngày 21/08/2021   |
| Bà Hoàng Thị Minh Hoài | Thành viên     |                            |
| Ông Nguyễn Hải Văn     | Thành viên     |                            |

***Ban Tổng Giám đốc***

| <u>Họ và tên</u>    | <u>Chức vụ</u>    |
|---------------------|-------------------|
| Ông Hoàng Anh Quyết | Tổng Giám đốc     |
| Bà Nguyễn Thị Mến   | Phó Tổng Giám Đốc |

***Kế toán trưởng***

| <u>Họ và tên</u>    | <u>Chức vụ</u> |                            |
|---------------------|----------------|----------------------------|
| Bà Nguyễn Thùy Linh | Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 21/08/2021 |
| Bà Lê Thị Út        | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 27/01/2022   |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC .
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC .

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC .

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thái Bình, ngày 20 tháng 04 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Hoàng Anh Quyết**

Số : 2308.01.03/2021/BCTC-NVT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Về Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung, được lập ngày 20 tháng 4 năm 2022 từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>26.901.287.908</b> | <b>26.126.028.729</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>20.834.832</b>     | <b>21.946.769</b>     |
| 1. Tiền   | 111        |             | 20.834.832            | 21.946.769            |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>20.277.325.852</b> | <b>2.951.231.492</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 23.723.325.159        | 6.254.501.548         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3         | 183.000.000           | 88.000.000            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        |             | 693                   | 12.990                |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.3         | (3.629.000.000)       | (3.391.283.046)       |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>6.596.573.382</b>  | <b>23.144.043.200</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.5         | 6.596.573.382         | 23.144.043.200        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>6.553.842</b>      | <b>8.807.268</b>      |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | 793.336               | 1.711.139             |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 5.760.506             | 7.096.129             |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                     | -                     |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>52.634.273.037</b> | <b>52.870.961.975</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>9.000.000.000</b>  | <b>9.000.000.000</b>  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                     | -                     |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                     | -                     |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.4         | 9.000.000.000         | 9.000.000.000         |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>1.035.133.611</b>  | <b>1.753.701.445</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.6         | 1.035.133.611         | 1.753.701.445         |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 7.076.419.382         | 6.926.419.382         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (6.041.285.771)       | (5.172.717.937)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                     | -                     |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                     | -                     |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                     | -                     |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                     | -                     |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | -                     | -                     |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                     | -                     |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                     | -                     |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>10.500.000.000</b> | <b>10.500.000.000</b> |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                     | -                     |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.7         | 10.500.000.000        | 10.500.000.000        |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | V.8         | <b>32.099.139.426</b> | <b>31.617.260.530</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | 33.712.692.943        | 33.712.692.943        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                     | -                     |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | (1.613.553.517)       | (2.095.432.413)       |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                     | -                     |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        |             | -                     | -                     |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                     | -                     |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                     | -                     |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>79.535.560.945</b> | <b>78.996.990.704</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|----------------------|-----------------------|
|   |            |             |                      |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>9.821.682.195</b> | <b>10.485.037.551</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>9.821.682.195</b> | <b>10.485.037.551</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.9         | 4.202.631.752        | 2.793.430.428         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.10        | -                    | 72.000.000            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.11        | 279.050.443          | 594.606.372           |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | -                    | -                     |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.12        | 160.000.000          | 160.000.000           |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                    | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                    | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                    | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.13        | 1.400.000.000        | 1.400.000.000         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.14        | 3.780.000.000        | 5.465.000.751         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                    | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | -                    | -                     |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                    | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                    | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | -                    | -                     |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                    | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                    | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                    | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                    | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                    | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                    | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                    | -                     |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                    | -                     |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                    | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                    | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                    | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                    | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                    | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>69.713.878.750</b> | <b>68.511.953.153</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.15</b> | <b>69.713.878.750</b> | <b>68.511.953.153</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 75.704.440.000        | 75.704.440.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 75.704.440.000        | 75.704.440.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | -                     | -                     |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                     | -                     |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                     | -                     |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                     | -                     |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                     | -                     |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                     | -                     |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | -                     | -                     |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                     | -                     |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                     | -                     |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | (5.990.561.250)       | (7.192.486.847)       |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | (7.192.486.847)       | (1.587.499.857)       |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 1.201.925.597         | (5.604.986.990)       |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                     | -                     |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>79.535.560.945</b> | <b>78.996.990.704</b> |

Người lập biểu

Hoàng Thị Minh Hoài

Kế toán trưởng

Lê Thị Út

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Thuyết minh          |                        |
|--|-------|-------------|----------------------|------------------------|
|  |       |             | Năm nay              | Năm trước              |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    |             | 22.307.418.965       | 588.390.648            |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                    | 157.863.000            |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VI.1        | 22.307.418.965       | 430.527.648            |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 20.666.609.074       | 392.600.648            |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 1.640.809.891        | 37.927.000             |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 5.894                | 8.547                  |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | (481.804.229)        | 1.379.748.608          |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 74.667               | 115.314.850            |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.5        | 233.900.700          | 275.485.010            |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.6        | 912.270.000          | 2.747.528.487          |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 976.449.314          | (4.364.826.558)        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 279.721.346          | -                      |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 54.245.063           | 762.976.288            |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 225.476.283          | (762.976.288)          |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 1.201.925.597        | (5.127.802.846)        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | VI.9        | -                    | 477.184.144            |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                    | -                      |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>1.201.925.597</u> | <u>(5.604.986.990)</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.10       |                      |                        |

Người lập biểu

Hoàng Thị Minh Hoài

Kế toán trưởng

Lê Thị Út

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh |                      |                      |
|--|-----------|-------------|----------------------|----------------------|
|  |           |             | Năm nay              | Năm trước            |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                      |                      |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | 1.201.925.597        | (5.127.802.846)      |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |             |                      |                      |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        |             | 868.567.834          | 863.875.658          |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |             | (244.161.942)        | 3.179.659.124        |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                    | -                    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |             | (5.894)              | 238.117.566          |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |             | 74.667               | 115.314.850          |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                    | -                    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 1.826.400.262        | (730.835.648)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (17.562.475.691)     | 14.738.597.026       |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | 16.547.469.818       | (195.790.000)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | 1.036.645.395        | (13.614.295.185)     |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |             | 917.803              | 11.404.756           |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                    | -                    |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | (74.667)             | (115.314.850)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |             | -                    | (226.297.475)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | -                    | -                    |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | -                    | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>1.848.882.920</b> | <b>(132.531.376)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                      |                      |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | (165.000.000)        | -                    |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                    | 220.000.000          |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                    | -                    |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                    | -                    |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |             | -                    | -                    |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                    | 3.000.000.000        |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | 5.894                | 8.547                |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>(164.994.106)</b> | <b>3.220.008.547</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                        |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                      | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                      | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | 1.010.739.249          | 6.035.640.000          |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | (2.695.740.000)        | (9.121.618.763)        |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                      | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                      | -                      |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <i>40</i> |             | <i>(1.685.000.751)</i> | <i>(3.085.978.763)</i> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(1.111.937)</b>     | <b>1.498.408</b>       |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>21.946.769</b>      | <b>20.448.361</b>      |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngo   | 61        |             | -                      | -                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>20.834.832</b>      | <b>21.946.769</b>      |

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2022

Người lập biểu

Hoàng Thị Minh Hoài

Kế toán trưởng

Lê Thị Út

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Quyết

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...; Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

*Hoạt động kinh doanh chính trong năm là kinh doanh vật liệu xây dựng.*

4. **Số người lao động tại 31 tháng 12 năm 2021:** 05 người

Số người lao động tại 31 tháng 12 năm 2020: 05 người

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

6. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Công ty con:*

| Tên công ty                                    | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD | Hoạt động chính                             |
|--|----------------------|-----------------------|------------------------|---|
| Công ty TNHH MTV Công Nghệ Tiến Trung Hòa Bình | Hòa Bình             | 100%                  | 100%                   | Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch |

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2019 và số liệu BCTC của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính và chi phí khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Tài sản cố định</u>          | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị             | 05-14         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07-10         |

### 7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

BCC được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

##### *Các quỹ khác*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

##### *a) Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### *b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

##### *c) Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

#### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

102  
CỔ  
TỊCH  
KIỂM  
HÀN  
3 B

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiến Hải, Tỉnh Thái Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                    | <u>Số cuối năm</u>       | <u>Số đầu năm</u>        |
|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt           | 17.966.347               | 19.990.014               |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.868.485                | 1.956.755                |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>20.834.832</u></b> | <b><u>21.946.769</u></b> |

**2. Đầu tư tài chính**

|  | <u>Số cuối năm</u>           |                               | <u>Số đầu năm</u>            |                               |
|--|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
|  | <u>Giá trị</u>               | <u>Dự phòng</u>               | <u>Giá trị</u>               | <u>Dự phòng</u>               |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>                      | <b>33.712.692.943</b>        | <b>(1.613.125.427)</b>        | <b>33.712.692.943</b>        | <b>(2.095.432.413)</b>        |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (1) | 33.712.692.943               | (1.613.125.427)               | 33.712.692.943               | (2.095.432.413)               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>33.712.692.943</u></b> | <b><u>(1.613.125.427)</u></b> | <b><u>33.712.692.943</u></b> | <b><u>(2.095.432.413)</u></b> |

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con:

(1) Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012, thay đổi lần thứ 04 ngày 04/01/2021. Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình là 33.712.692.943 VND.

Công ty đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình và đã đưa vào vận hành từng phần để sản xuất và bán gạch.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | <u>Số cuối năm</u>           |                               | <u>Số đầu năm</u>           |                               |
|---|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
|   | <u>Giá trị</u>               | <u>Dự phòng</u>               | <u>Giá trị</u>              | <u>Dự phòng</u>               |
| <b>Phải thu bên liên quan</b>                                   | <b>18.339.025.645</b>        |                               | <b>541.640.648</b>          | -                             |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình                  | 18.339.025.645               |                               | 541.640.648                 | -                             |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>                             | <b>5.384.299.514</b>         | <b>(3.629.000.000)</b>        | <b>5.712.860.900</b>        | <b>(3.391.283.046)</b>        |
| Công ty Cổ phần xây lắp Tây Sơn                                 | -                            |                               | 182.964.620                 | (182.964.620)                 |
| Công ty TNHH ô tô và thiết bị Thiên Trường Long                 | 3.629.000.000                | (3.629.000.000)               | 3.629.000.000               | (2.540.300.000)               |
| Công ty cổ phần HT Group Hòa Bình                               | 245.136.957                  |                               | -                           | -                             |
| Công ty cổ phần công nghệ phân bón Organic Viejoy Farm Việt Nam | 1.510.162.557                |                               | -                           | -                             |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại BeeHub Việt Nam            | -                            |                               | 1.684.111.220               | (505.233.366)                 |
| Các khách hàng khác   | -                            |                               | 216.785.060                 | (162.785.060)                 |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>23.723.325.159</u></b> | <b><u>(3.629.000.000)</u></b> | <b><u>6.254.501.548</u></b> | <b><u>(3.391.283.046)</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                              | Số cuối năm        | Số đầu năm        |
|------------------------------|--------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Thép Sơn Phương | 50.000.000         | -                 |
| CH Hoàng Long                | 45.000.000         | -                 |
| Các nhà cung cấp khác        | 88.000.000         | 88.000.000        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>183.000.000</b> | <b>88.000.000</b> |

#### 5. Phải thu khác

##### a) Phải thu ngắn hạn khác

|                                  | Số cuối năm |          | Số đầu năm    |          |
|----------------------------------|-------------|----------|---------------|----------|
|                                  | Giá trị     | Dự phòng | Giá trị       | Dự phòng |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 693         | -        | 12.990        | -        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>693</b>  | <b>-</b> | <b>12.990</b> | <b>-</b> |

##### b) Phải thu dài hạn khác

|                                   | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|-----------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                   | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| Phải thu hợp tác đầu tư dự án (*) | 9.000.000.000        | -        | 9.000.000.000        | -        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>9.000.000.000</b> | <b>-</b> | <b>9.000.000.000</b> | <b>-</b> |

(\*) Số dư phải thu dài hạn khác là khoản tiền vốn góp theo hợp đồng số 02/2017/HĐHTĐT hợp tác thực hiện dự án "Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường" trên diện tích 6,8 ha tại Xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 70.000.000.000 VNĐ, thời hạn thực hiện dự án là 23 năm. Theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh ký với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình, Công ty sẽ góp tiền 9.000.000.000 VNĐ tương đương 13% tổng giá trị đầu tư dự kiến của dự án. Năm 2018, Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình đã xin dừng triển khai dự án. Tháng 2 năm 2019, dự án được cấp phép lại cho Công ty Cổ phần HT Group Hòa Bình. Nghị quyết HĐQT ngày 18/8/2020 đã quyết định việc chuyển khoản Hợp tác kinh doanh này từ Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình sang Công ty Cổ phần HT Group Hòa Bình. Ngày 25/8/2020, công ty đã ký thỏa thuận 3 bên với công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình và Công ty Cổ phần HT Group Hòa Bình về vấn đề này.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 Công ty Cổ phần HT Group Hòa Bình đã được UBND tỉnh Hòa Bình cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 56/GP-UBND theo đó Công ty được thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Đến ngày 19 tháng 10 năm 2020, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định số 2507/QĐ-UBND của về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi trong Báo cáo kết quả thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với Tổng trữ lượng 5.868.688 m<sup>3</sup>.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

|  | Số cuối năm          |          | Số đầu năm            |          |
|--|----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*) | 6.596.573.382        | -        | 22.948.253.200        | -        |
| Hàng hóa                                 |                      | -        | 195.790.000           | -        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>6.596.573.382</b> | <b>-</b> | <b>23.144.043.200</b> | <b>-</b> |

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm gồm hai dự án:

- Chi phí san lấp mặt bằng tại Xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ngày 01/01/2018 với số tiền 3.921.247.764 VND.

- Chi phí xây dựng công trình nhà máy phân bón Organic với số tiền 2.675.325.618 VND

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                 | Số cuối năm    | Số đầu năm       |
|-----------------|----------------|------------------|
| Công cụ dụng cụ | 793.336        | 1.711.139        |
| <b>Cộng</b>     | <b>793.336</b> | <b>1.711.139</b> |

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|   | Máy móc và thiết bị  | Phương tiện vận tải,<br>truyền dẫn | Cộng                 |
|---|----------------------|------------------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                           |                      |                                    |                      |
| Số đầu năm                                  | 3.155.757.576        | 3.770.661.806                      | 6.926.419.382        |
| Mua trong năm                               | -                    | 150.000.000                        | 150.000.000          |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>3.155.757.576</b> | <b>3.920.661.806</b>               | <b>7.076.419.382</b> |
| <b>Tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng</b> |                      |                                    |                      |
| 761.904.762                                 | 322.113.333          | 1.084.018.095                      |                      |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                      |                      |                                    |                      |
| Số đầu năm                                  | 2.452.829.427        | 2.719.888.510                      | 5.172.717.937        |
| Khấu hao trong năm                          | 393.166.516          | 475.401.318                        | 868.567.834          |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>2.845.995.943</b> | <b>3.195.289.828</b>               | <b>6.041.285.771</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                      |                      |                                    |                      |
| Số đầu năm                                  | 702.928.149          | 1.050.773.296                      | 1.753.701.445        |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>309.761.633</b>   | <b>725.371.978</b>                 | <b>1.035.133.611</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                     | Số đầu năm            |  | Chi phí phát sinh trong năm |  | Số cuối năm           |  |
|---------------------|-----------------------|--|-----------------------------|--|-----------------------|--|
|                     |                       |  |                             |  |                       |  |
| <b>Mua sắm</b>      |                       |  |                             |  |                       |  |
| - Quyền sử dụng đất | 10.500.000.000        |  | -                           |  | 10.500.000.000        |  |
| <b>Cộng</b>         | <b>10.500.000.000</b> |  | <b>-</b>                    |  | <b>10.500.000.000</b> |  |

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung mua lại quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu Hạnh tại lô số BL524975 với diện tích 20.808 m2 tại đồi Khạo, xóm Khuộc, xã Cao Rãm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và đang tiến hành các thủ tục sang tên chủ sở hữu.

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | Số cuối năm          |                       | Số đầu năm           |                       |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>                            | <b>4.202.631.752</b> | <b>4.202.631.752</b>  | <b>2.793.430.428</b> | <b>2.793.430.428</b>  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - FACCO                          | 788.535.000          | 788.535.000           | -                    | -                     |
| Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thịnh Gia Phát                | 2.000.000.000        | 2.000.000.000         | 2.000.000.000        | 2.000.000.000         |
| Công ty cổ phần công nghệ phân bón organic Vietjoy Farm Việt Nam | 781.017.776          | 781.017.776           | -                    | -                     |
| Công ty TNHH Thương mại và Vật liệu xây dựng Tây Hà              | 594.404.820          | 594.404.820           | 594.404.820          | 594.404.820           |
| Các đối tượng khác   | 38.674.156           | 38.674.156            | 199.025.608          | 199.025.608           |
| <b>Cộng</b>  | <b>4.202.631.752</b> | <b>4.202.631.752</b>  | <b>2.793.430.428</b> | <b>2.793.430.428</b>  |

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

|  | Số đầu năm         |          | Số phải nộp trong năm |                    | Số cuối năm        |          |
|--|--------------------|----------|-----------------------|--------------------|--------------------|----------|
|  | Phải nộp           | Phải thu | Phải nộp              | Đã nộp             | Phải nộp           | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 17.000.000         | -        | 137.287.505           | 17.000.000         | 137.287.505        | -        |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 577.606.372        | -        | 50.156.656            | 486.000.090        | 141.762.938        | -        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>594.606.372</b> | <b>-</b> | <b>187.444.161</b>    | <b>503.000.090</b> | <b>279.050.443</b> | <b>-</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.9

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai theo quy định

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <b>1.400.000.000</b> | <b>1.400.000.000</b> |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)             | 1.400.000.000        | 1.400.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>1.400.000.000</b> | <b>1.400.000.000</b> |

(\*) Theo Nghị Quyết HĐQT số 06/2021/NQ – HĐQT ngày 29/02/2021 thông qua việc gia hạn trả cổ đông theo Thông báo xác nhận số 20/2018/CV-TTZ ngày 07/3/2018 sang 30/12/2022.

**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>   |                              | <u>Số đầu năm</u>    |                              |
|---|----------------------|------------------------------|----------------------|------------------------------|
|   | <u>Giá trị</u>       | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u>       | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>           | <b>3.600.000.000</b> | <b>3.600.000.000</b>         | <b>3.600.000.000</b> | <b>3.600.000.000</b>         |
| Vay Ông Hoàng Anh Quyết (1)   | 3.600.000.000        | 3.600.000.000                | 3.600.000.000        | 3.600.000.000                |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <b>180.000.000</b>   | <b>180.000.000</b>           | <b>1.865.000.751</b> | <b>1.865.000.751</b>         |
| Vay ngắn hạn các cá nhân khác (2)   | 180.000.000          | 180.000.000                  | 1.844.680.000        | 1.844.680.000                |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>                          | -                    | -                            | <b>20.320.751</b>    | <b>20.320.751</b>            |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng   | -                    | -                            | 20.320.751           | 20.320.751                   |
| <b>Cộng</b>   | <b>3.780.000.000</b> | <b>3.780.000.000</b>         | <b>5.465.000.751</b> | <b>5.465.000.751</b>         |

(1) Là khoản vay ông Hoàng Anh Quyết để trả nợ vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Khoản vay này không tính lãi suất.

(2) Các hợp đồng vay cá nhân vay với lãi suất 0%.

**Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:**

|                                    | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>   |
|------------------------------------|----------------------|--|-------------------------------------|----------------------|
| <i>Vay bên liên quan</i>           | <b>3.600.000.000</b> | -                                      | -                                   | <b>3.600.000.000</b> |
| Ông Hoàng Anh Quyết                | 3.600.000.000        | -                                      | -                                   | 3.600.000.000        |
| <i>Vay tổ chức và cá nhân khác</i> | <b>1.865.000.751</b> | <b>1.031.060.000</b>                   | <b>(2.716.060.751)</b>              | <b>180.000.000</b>   |
| Vay ngắn hạn ngân hàng             | 20.320.751           | -                                      | (20.320.751)                        | -                    |
| Vay ngắn hạn các cá nhân           | 1.844.680.000        | 1.031.060.000                          | (2.695.740.000)                     | 180.000.000          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>5.465.000.751</b> | <b>1.031.060.000</b>                   | <b>(2.716.060.751)</b>              | <b>3.780.000.000</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

|                             | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                  |
|-----------------------------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm trước            | 75.704.440.000            | (1.587.499.857)                   | 74.116.940.143        |
| Lợi nhuận trong năm trước   | -                         | (5.604.986.990)                   | (5.604.986.990)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>75.704.440.000</b>     | <b>(7.192.486.847)</b>            | <b>68.511.953.153</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 75.704.440.000            | (7.192.486.847)                   | 68.511.953.153        |
| Lợi nhuận trong năm nay     | -                         | 1.201.925.597                     | 1.201.925.597         |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>75.704.440.000</b>     | <b>(5.990.561.250)</b>            | <b>69.713.878.750</b> |

*b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

|                                | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Tú            | -                     | 2.023.010.000         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Tú | -                     | 4.435.770.000         |
| Ông Chen Yu                    | 3.695.200.000         | 3.695.200.000         |
| Ông Yang Xiao Dong             | 1.932.720.000         | 1.932.720.000         |
| Bà Trần Thị Hiền               | -                     | 6.531.000.000         |
| Bà Phạm Thị Đương              | 5.600.000.000         | 5.600.000.000         |
| Bà Nguyễn Thị Bảo Linh         | -                     | 3.635.000.000         |
| Ông Huỳnh Văn Quảng            | 7.862.000.000         | -                     |
| Ông Huỳnh Bích Quân            | 3.117.000.000         | -                     |
| Bà Nguyễn Thị Bích Thủy        | 3.781.000.000         | -                     |
| Bà Trần Thị Thu                | 8.814.000.000         | -                     |
| Ông Jiang Chen                 | 2.128.350.000         | -                     |
| Ông Jiang Jingyan              | 1.840.900.000         | -                     |
| Các đối tượng khác             | 36.933.270.000        | 47.851.740.000        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>75.704.440.000</b> | <b>75.704.440.000</b> |

*c) Cổ Phiếu*

|  | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 7.570.444   | 7.570.444  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 7.570.444   | 7.570.444  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 7.570.444   | 7.570.444  |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 7.570.444   | 7.570.444  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 7.570.444   | 7.570.444  |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

|  | Năm nay               | Năm trước            |
|--|-----------------------|----------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>                                  | <b>22.307.418.965</b> | <b>588.390.648</b>   |
| Doanh thu xây lắp                                      | 21.717.957.079        | -                    |
| Doanh thu từ cung cấp dịch vụ                          | 589.461.886           | 588.390.648          |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>                   |                       | <b>(157.863.000)</b> |
| Hàng bán bị trả lại                                    |                       | (157.863.000)        |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>22.307.418.965</b> | <b>430.527.648</b>   |

Trong đó doanh thu bên liên quan

|   | Năm nay        | Năm trước   |
|---|----------------|-------------|
| <b>Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình</b> |                |             |
| <i>Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị</i>  | 562.961.886    | 588.390.648 |
| <i>Doanh thu xây lắp</i>                    | 19.055.866.612 | -           |

**2. Giá vốn hàng bán**

|                                 | Năm nay               | Năm trước          |
|---------------------------------|-----------------------|--------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | -                     | (195.790.000)      |
| Giá vốn hoạt động xây lắp       | 20.119.425.702        | -                  |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 547.183.372           | 588.390.648        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>20.666.609.074</b> | <b>392.600.648</b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|              | Năm nay      | Năm trước    |
|--------------|--------------|--------------|
| Lãi tiền gửi | 5.894        | 8.547        |
| <b>Cộng</b>  | <b>5.894</b> | <b>8.547</b> |

**4. Chi phí tài chính**

|                                    | Năm nay              | Năm trước            |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay                    | 74.667               | 115.314.850          |
| Dự phòng/hoàn nhập tổn thất đầu tư | (481.878.896)        | 1.208.433.758        |
| Lỗ do thoái vốn công ty con        |                      | 56.000.000           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>(481.804.229)</b> | <b>1.379.748.608</b> |

**5. Chi phí bán hàng**

|                                  | Năm nay            | Năm trước          |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 233.900.700        | 275.485.010        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>233.900.700</b> | <b>275.485.010</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|   | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>            |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên                           | 317.974.800               | 205.588.750                 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                       | 1.937.803                 | 13.102.362                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                | 72.731.511                | -                           |
| Trích lập dự phòng dự phòng nợ phải thu khó đòi | 237.716.954               | 1.971.225.366               |
| Các chi dịch vụ mua ngoài                       | 275.272.568               | 545.717.209                 |
| Chi phí bằng tiền khác                          | 6.636.364                 | 11.894.800                  |
| <b>Cộng</b>                                     | <b><u>912.270.000</u></b> | <b><u>2.747.528.487</u></b> |

**7. Thu nhập khác**

|                  | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u> |
|------------------|---------------------------|------------------|
| Thu bán phế liệu | 279.721.346               | -                |
| <b>Cộng</b>      | <b><u>279.721.346</u></b> | <b><u>-</u></b>  |

**8. Chi phí khác**

|  | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u>          |
|--|--------------------------|---------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu                | 54.245.063               | 580.077.334               |
| Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | -                        | 182.126.113               |
| Chi phí khác                             | -                        | 180.000                   |
| <b>Cộng</b>                              | <b><u>54.245.063</u></b> | <b><u>762.976.288</u></b> |

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>          |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 1.201.925.597             | (5.127.802.846)           |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                           |                           |
| Các khoản điều chỉnh tăng  | 54.245.063                | 580.670.175               |
| <i>Thuế phạt, truy thu tiền thuế</i>   | <i>54.245.063</i>         | <i>580.670.175</i>        |
| <i>Các khoản không được trừ khác</i>   | <i>-</i>                  | <i>-</i>                  |
| Các khoản điều chỉnh giảm  | -                         | -                         |
| Thu nhập chịu thuế   | <u>1.256.170.660</u>      | <u>(4.547.132.671)</u>    |
| Lỗi các năm trước được chuyển  | <u>(1.256.170.660)</u>    | <u>-</u>                  |
| Thu nhập tính thuế   | -                         | (4.547.132.671)           |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                       | 20%                       |
| Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước  | -                         | 477.184.144               |
| <b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>  | <b><u>477.184.144</u></b> | <b><u>477.184.144</u></b> |

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu                    | 3.354.135.418               | 13.102.362                  |
| Chi phí nhân công                                | 317.974.800                 | 205.588.750                 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                 | 868.567.834                 | 863.875.658                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                        | 676.068.586                 | 545.717.209                 |
| Chi phí khác                                     | 6.636.364                   | 11.894.800                  |
| Trích lập/Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi | 237.716.954                 | 1.971.225.366               |
| <b>Cộng</b>                                      | <b><u>5.461.099.956</u></b> | <b><u>3.611.404.145</u></b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị/các thành viên Ban điều hành/các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:*

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Ông Hoàng Anh Quyết – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc<br>Cho công ty vay | -              | 3.600.000.000    |

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh V.14.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

|   | <u>Năm nay</u> |
|---|----------------|
| Ông Hoàng Anh Quyết – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  | 67.120.000     |
| Bà Nguyễn Thùy Linh – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng | 39.600.000     |
| Ông Lê Trọng Đan – Ban Kiểm soát                          | 30.800.000     |
| Bà Hoàng Thị Minh Hoài – Ban Kiểm soát                    | 48.320.000     |
| Bà Nguyễn Thị Mến – Phó Tổng Giám đốc                     | 80.400.000     |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiến Hải, Tỉnh Thái Bình

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u>                           | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình | Công ty con        |

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình</b> |                |                  |
| Phải thu tiền cho thuê máy móc thiết bị     | 621.800.951    | 588.390.648      |
| Phải thu tiền công trình xây lắp            | 19.234.147.546 | -                |
| Thu tiền thuê máy và công trình             | 1.608.460.000  | -                |
| Mua vật tư                                  | 450.103.500    | -                |
| Bù trừ công nợ tiền hàng                    | 450.103.500    | -                |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan. Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.11.

### 2. Thông tin khác

Nghị quyết số 01/2021/TTZ-ĐHĐCD ký ngày 21 tháng 8 năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều Công ty từ 75.704.440.000 VND lên 115.704.440.000 VND (tương ứng với số cổ phần tăng thêm là 4.000.000 cổ phần). Thời gian chào bán dự kiến thực hiện trong năm 2021, sau khi được UBCKNN chấp thuận. Đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa thực hiện xong việc chào bán này.

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiến Hải, Tỉnh Thái Bình

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### **B, Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản).

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <b>Từ 1 năm trở xuống</b> | <b>Trên 1 năm đến 5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b> | <b>Cộng</b>          |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                           |                             |                   |                      |
| Vay và nợ               | 3.780.000.000             | -                           | -                 | 3.780.000.000        |
| Phải trả người bán      | 4.202.631.752             | -                           | -                 | 4.202.631.752        |
| Các khoản phải trả khác | 1.400.000.000             | -                           | -                 | 1.400.000.000        |
| <b>Cộng</b>             | <b>9.382.631.752</b>      | -                           | -                 | <b>9.382.631.752</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                           |                             |                   |                      |
| Vay và nợ               | 5.465.000.751             | -                           | -                 | 5.465.000.751        |
| Phải trả người bán      | 2.793.430.428             | -                           | -                 | 2.793.430.428        |
| Các khoản phải trả khác | 1.560.000.000             | -                           | -                 | 1.560.000.000        |
| <b>Cộng</b>             | <b>9.818.431.179</b>      | -                           | -                 | <b>9.818.431.179</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

##### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

|                                    | Giá trị sổ sách       |                       | Giá trị hợp lý        |                       |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                    | Số cuối năm           | Số đầu năm            | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                       |                       |                       |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 20.834.832            | 21.946.769            | 20.834.832            | 21.946.769            |
| Phải thu khách hàng                | 21.821.630.886        | 2.863.218.502         | 21.821.630.886        | 2.863.218.502         |
| Các khoản phải thu khác            | 9.000.000.693         | 9.000.012.990         | 9.000.000.693         | 9.000.012.990         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 32.099.139.426        | 31.617.260.530        | 32.099.139.426        | 31.617.260.530        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>62.941.605.837</b> | <b>43.502.438.791</b> | <b>62.941.605.837</b> | <b>43.502.438.791</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>       |                       |                       |                       |                       |
| Vay và nợ                          | 3.780.000.000         | 5.465.000.751         | 3.780.000.000         | 5.465.000.751         |
| Phải trả người bán                 | 4.202.631.752         | 2.793.430.428         | 4.202.631.752         | 2.793.430.428         |
| Các khoản phải trả khác            | 1.400.000.000         | 1.560.000.000         | 1.400.000.000         | 1.560.000.000         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>9.382.631.752</b>  | <b>9.818.431.179</b>  | <b>9.382.631.752</b>  | <b>9.818.431.179</b>  |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn.

#### 5. Thông tin bộ phận

Toàn bộ hoạt động của công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 20 tháng 4 năm 2022

Người lập biểu

Hoàng Thị Minh Hoài

Kế toán trưởng

Lê Thị Út

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Quyết